

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2019
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Chí Lin.
2. Bà: Trần Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 27/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 25/02/2019 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà NguyễnThị H, sinh năm 1977.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1978..

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Bà H có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 22/02/2019 và những lời khai tiếp theo bà NguyễnThị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn T chung sống với nhau vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Bà H cho rằng bà và ông T thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T không lo chí thú làm

ăn, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp thường xuyên cãi vã nhau nên đã ly thân nhau từ lâu. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà H khai quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh năm 2003. Khi ly hôn, bà xin được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có.

Đối với ông Nguyễn Tấn T, từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi yêu cầu khởi kiện của Bà H.

Tại phiên tòa, Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà NguyễnThị H xin ly hôn với ông Nguyễn Tấn T. Ông T hiện đang cư trú tại ấp A, xã B, huyện Đ, Long An. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Tấn T vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung,

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

Theo Bà H trình bày thì bà và ông T chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã B cũng có văn bản xác nhận là Bà H và ông T không có đăng ký trong sổ bộ đăng ký kết hôn. Như vậy, việc Bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 11 luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, Bà H xin ly hôn nhưng do cả hai sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Tòa án phải áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên không công nhận Bà H và ông T là quan hệ vợ chồng.

[2.2]. Về con chung:

Bà H khai bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Tấn Phát, sinh năm 2003, hiện con đang sống chung với Bà H. Khi ly hôn, Bà H xin được quyền trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, cháu P hiện đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai cháu có nguyện vọng sống với Bà H khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Phát cho Bà H được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản và nợ*: Quá trình chung sống Bà H khai bà và ông T không có tài sản chung và cũng không nợ ai.

Ông Nguyễn Tấn T vắng mặt, không có ý kiến gì phản hồi gì về việc quá trình sống chung giữa ông và Bà H có tài sản chung hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông Nguyễn Tấn T có tranh chấp về tài sản chung trong thời gian sống chung với Bà H thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3]. *Về án phí*: Bà NguyễnThị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 222, 225, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 14, 15, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận bà NguyễnThị H và ông Nguyễn Tấn T là quan hệ vợ chồng.

2. *Về con chung*: Bà NguyễnThị H được quyền trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Tấn Phát, sinh ngày 23/8/2003.

Ông Nguyễn Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà NguyễnThị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể

quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

2. *Về án phí:* Bà NguyễnThị H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004117 ngày 22/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

3. Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Tấn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hòa Khánh Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Công Thức

